



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng Pioneer Shipbrokers có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

**TUẦN 44/ 2018**

30/10/2018-05/11/2018

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này tiếp tục giảm, tiệm cận mốc 1.400 điểm khiến giá tàu phân khúc handysize giảm mạnh. Tàu Ocean Hawk (29.027 dwt đóng 2010 Nhật, DD 6/2020 - SS 6/2022) được chủ tàu Nhật bán với giá chỉ 9,2 triệu đô la Mỹ. Nếu so với tàu chị em Star Life (28.210 dwt đóng 2011 Nhật) trẻ hơn 1 tuổi bán 2 tuần trước đây với giá 11,1 triệu đô la Mỹ thì có thể thấy giá tàu Ocean Hawk rẻ hơn gần 1 triệu đô la Mỹ, tương đương gần 10% giá trị tàu. Tương tự, tàu New Everest (35.065 dwt đóng 2009 Nhật, DD/SS 5/2019) được chủ tàu Đài Loan bán cho người Mua Hy Lạp với giá 11 triệu đô la Mỹ. Mức giá này là mềm nếu so với tàu Sea Bronze (37.400 dwt đóng 2007 Nhật), trọng tải lớn hơn 2.000 tấn nhưng già hơn 2 tuổi được bán với giá 11,5 triệu đô la Mỹ 1 tuần trước đó. Tuy chỉ số BDI giảm 2 tuần liên tục nhưng hiện nay hàng hóa cho tàu handysize vẫn tốt, nên mong chờ giá tàu handysize tiếp tục giảm thêm trong những tuần sắp tới sẽ khó xảy ra.

Ở phân khúc tàu bách hóa, thị trường ghi nhận sự trở lại mạnh mẽ của người mua Trung Quốc khi họ mua hai tàu từ chủ tàu Nhật, đó là tàu Noshiro III (11.796 dwt đóng 2004 Nhật, SS 3/2019) với giá 4,75 triệu đô la Mỹ, bằng giá người bán mong muốn. Tàu Noshiro III là một tàu bách hóa đặc biệt khi sở hữu đặt tính vượt trội đối với size tàu của mình khi mớn cực thấp, khối cực lớn, hai cầu 40 tấn và có chân vịt mũi. Tàu thứ hai là tàu Taiyo (10.080 dwt đóng 2006 Nhật) giá khoảng 3,5 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu, đối với phân khúc tàu chở dầu thô, theo ghi nhận, chủ tàu Bermuda – DHT Holding đã ký kết giao dịch bán hai tàu cỡ Aframax, DHT Sophie (112.045 dwt đóng 2003 Hàn Quốc) và DHT Cathy (111.928 dwt đóng 2004 Hàn Quốc), cho người mua Hy Lạp với tổng giá trị 24,3 triệu đô la Mỹ.

Với phân khúc tàu chở dầu thành phẩm, theo báo cáo, tàu cỡ MR – Nord Innovation (47.981 dwt đóng 2010 Nhật) đã được chủ tàu Nhật – Shoei Kisen bán thành công cho người mua Thổ Nhĩ Kỳ - Densay với giá xấp xỉ quanh mức 17,3 triệu đô la Mỹ. Có thể thấy xu hướng giá ổn định hơn của size tàu này nếu so sánh với tàu Pacific Vega (45.961 dwt đóng 2010 Nhật) được bán gần đây với giá 16 triệu đô la Mỹ.

Với phân khúc tàu dầu thành phẩm và hóa chất size nhỏ, thị trường khá im ắng khi không có nhiều giao dịch được ghi nhận do thị trường cước đang ở mức thấp. Nhiều chủ tàu Hàn Quốc đang có xu hướng bán một số tàu gần 15 tuổi trong đội tàu do hiện nay các Oil Majors tại Hàn Quốc ưu tiên thuê tàu dưới 15 tuổi.

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
<b>BULKERS</b>						
<b>Frontier Ambition</b>	2010	Japan	180,253	UK, Zodiac	29.00	
<b>Voge Challenger</b>	2010	China	79,600	German	13.10	
<b>TC Gold</b>	2011	Philippines	58,096	Greek, Diligent Holdings	16.00	
<b>U Noble</b>	2012	China	57,000	Chinese	12.90	
<b>Tron Legacy</b>	2012	China	56,444	Chinese	12.90	
<b>Bulk Argentina</b>	2009	Japan	55,477	UK	14.90	
<b>Maemi Spirit</b>	2008	Japan	53,482	Greek, Dalex Shipping	11.00	
<b>New Everest</b>	2009	Japan	35,065	Greek	11.00	SS/DD May 2019
<b>Oceanic Hawk</b>	2010	Japan	29,027	Undisclosed	9.20	SS Jun 2022 DD Jun 2020
<b>Noshiro III</b>	2004	Japan	11,796	Chinese	4.75	Tween deck, SS/DD Mar 2019, Cr 2x40t (combinable) Dr 1x30t, low draft 7.7m, bow thruster fitted, big grain cap 20780 cbm
<b>Taiyo</b>	2006	Japan	10,080	Chinese	3.50	Tween deck, SS Feb 2021 DD Jan 2019, Cr 2x30.7t Dr 1x30t, draft 9.2m
<b>TANKERS</b>						
<b>DS Vida</b>	2003	China	299,097	Greek, NGM Energy	21.80	
<b>European Spirit</b>	2003	Korea	151,848	Greek, Transmed Greece	15.70	
<b>DHT Sophie</b>	2003	Korea	112,045	Greek, Target Marine	11.90	Enbloc with DHT Cathy
<b>DHT Cathy</b>	2004	Korea	111,928		12.40	Enbloc with DHT Sophie
<b>Mare Di Genova</b>	2009	Korea	51,371	Greek	Undisclosed	Enbloc with Mare Di Venezia
<b>Mare Di Venezia</b>	2009	Korea	51,371			Enbloc with Mare Di Genova
<b>Nord Innovation</b>	2010	Japan	47,981	Turkish, Densay	17.30	
<b>Doxa</b>	2001	Japan	47,065	Undisclosed	6.50	
<b>Corrido</b>	2011	Croatia	46,156	Bermuda, Team Tankers	Undisclosed	enbloc
<b>Calypso</b>	2010	Croatia	46,067			enbloc
<b>Cavatina</b>	2010	Croatia	46,067			enbloc
<b>Ramira</b>	2008	Turkey	16,979	Undisclosed	13.50	Chemical IMO II/III, epoxy coated, SS/DD passed Sep 2018
<b>CONTAINERS</b>						
<b>OTHERS</b>						

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	114,900 dwt	Undisclosed	2	Daehan, Korea	Clearlake Shipping	2020	
Tanker	114,000 dwt	50.00	2	Hanjin Subic, Phillipines	Eastern Pacific	2020	
Tanker	113,700 dwt	Undisclosed	2	Daehan, Korea	ClearOcean	2020	
Tanker	49,000 dwt	37.00	2	Onomichi, Japan	Eastern Pacific	2020	
LPG	20,000 cbm	Undisclosed	2	Kitanihon, Japan	Eastern Pacific	2020	Stainless Steel
Bulker	209,000 dwt	47.00	2	Jiangsu Hantong, China	Oldendorff Carriers	2020	
Bulker	64,000 dwt	25.00	4	Zhousan Changhong, China	ICBC Leasing	2020	

## 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

### 3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Mảng tàu **Panamax** tiếp tục giảm và chốt tuần ở mức 12.263 đô la Mỹ mặc dù có sự cải thiện nhẹ vào cuối tuần. Tại Thái Bình Dương, Norvic chốt Xing De Hai (82.000 dwt, 2017) nhận tàu tại Qingdao đi qua NoPac và trả tại Singapore-Japan với mức 14.759 đô la Mỹ. Alpha Charm (81.800 dwt, 2018) nhận tàu tại CJK đi qua East Coast Australia và trả tại India với mức 14.000 đô la Mỹ. Với các tuyến một chiều, Sinochart chốt Star Charis (81.710 dwt, 2013) nhận tàu tại East Coast South America đi khu vực Singapore-Japan với mức 16.400 đô la Mỹ cộng 640.000 đô la Mỹ tiền thưởng ballast. Cargill chốt thành công Fiji (81.285 dwt, 2013) nhận tàu tại East Coast South America với mức giá 16.600 đô la Mỹ cộng với 660.000 đô la Mỹ tiền thưởng ballast. Tại Đại Tây Dương, Port Star (82.177 dwt, 2012) nhận tại East Coast South America đi Skaw-Cape Passero ở mức 23.000 đô la Mỹ. Norden chốt tàu Lowlands Nello (76.830 dwt, 2004) từ Ghent cho chuyến đi qua Murmansk và Thổ Nhĩ Kỳ sau đó trả tại Cape Passero với giá 15.000 đô la Mỹ. Đối với phân khúc thuê định hạn, Oldendorff thuê Akaki (84.074 dwt, 2013) nhận tại Dunkirk và khai thác tuyến quốc tế trong vòng 5-6 tháng sau đó trả tàu tại nơi bất kỳ với giá 15.750 đô la Mỹ cộng với 575.000 đô la Mỹ tiền thưởng ballast.

Khi phần lớn các chủ tàu đổ về khu vực Eisbein các khu vực khác, đặc biệt là ở Đại Tây Dương trở nên trầm lắng. Chỉ số tàu **Supramax** tiếp tục giảm trong suốt tuần và kết thúc ở mức 11.743 đô la Mỹ, giảm so với mức đóng cửa cuối tuần trước là 12.508 đô la Mỹ. Tại khu vực Đại Tây Dương, Yuan Shun Hai (56.956 dwt, 2009) nhận tàu tại Fortaleza đi qua Spain Mediterranean với giá 18.000 đô la Mỹ. Bulk Trading chốt tàu An Chang (55.217 dwt, 2009) nhận tại South West Pass cho chuyến hàng petcoke khởi hành gấp qua Egypt với giá 18.250 đô la Mỹ. Norden chốt Yuanping Sea (55.646 dwt, 2004) khởi hành gấp từ Rotterdam đi Baltic và trả tàu tại Morocco với mức 12.000 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, tàu Doror Valor (58.109 dwt, 2011) được chốt bởi Oldendorff nhận tại Vancouver đi qua NoPac và trả tại Singapore-Japan với mức 11.750 đô la Mỹ và 320.000 đô la Mỹ tiền thưởng ballast. Naval Bulk chốt Ocean Reef (52.458 dwt, 2005) nhận tàu tại Singapore đi Indonesia sau đó trả tại China với giá 9.250 đô la Mỹ. Tàu Pavo Bright (61.218 dwt, 2017) nhận tại Cagayan de Oro đi Philippines với giá 9.000 đô la Mỹ trong 25 ngày đầu tiên và sau đó là 12.000 đô la Mỹ cho các ngày còn lại. Với mảng thuê định hạn, Cobelfret chốt Clipper Endeavour (52.483 dwt, 2004) nhận tàu tại CJK khai thác các chuyến quốc tế trong vòng một năm với giá 7.000 đô la Mỹ trong 30 ngày đầu tiên và 10.500 đô la Mỹ cho từng ngày thuê còn lại. Mảng tàu **Handy** cũng chịu chung số phận trầm lắng với kết thúc tuần ở mức 9.617 đô la Mỹ, giảm so với mức đóng cửa cuối tuần trước là 9.763 đô la Mỹ. Mảng tàu này có rất ít báo cáo

được đưa về ngoại trừ Clipper Talent (30.479 dwt, 2009) chốt nhận tàu tại Vila Do Conde đi gắp sang Norway với giá 17.000 đô la Mỹ.

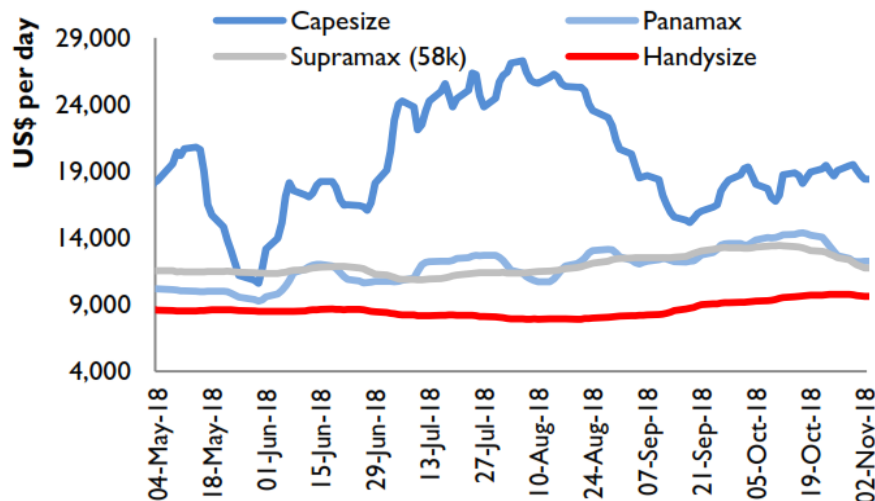
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 44 vừa qua:

<b>RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)</b>	<b>TUẦN 44</b>	<b>TUẦN 43</b>	<b>Mức thấp nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 44)</b>	<b>Mức cao nhất năm 2018 (cập nhật tới Tuần 44)</b>
TRANSATLANTIC RV	13,000	14,900	7,100	16,000
TCT CONT/F.EAST	20,000	21,600	15,000	23,000
TCT F.EAST/CONT	4,600	4,800	4,300	5,200
TCT F.EAST RV	11,100	12,150	8,300	13,750
<b>RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)</b>				
ATLANTIC RV	14,300	14,800	11,000	16,000
PACIFIC RV	10,250	10,750	8,000	12,500
TCT CONT/F.EAST	17,500	18,000	16,000	20,500

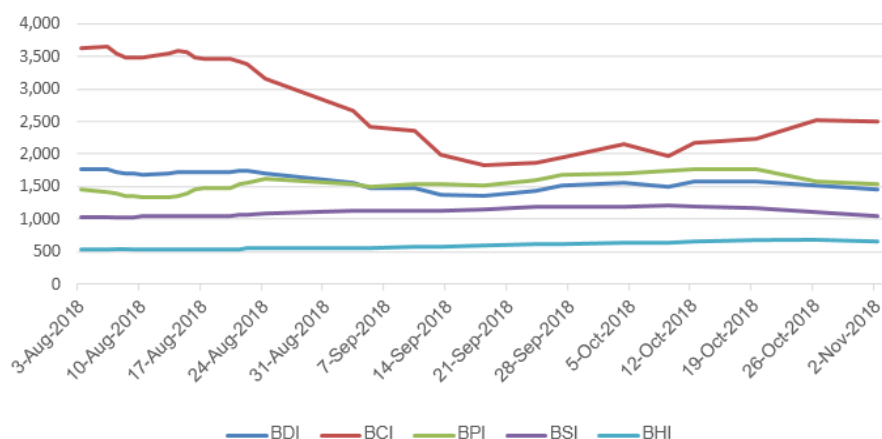
#### GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 02/11/2018

	US\$/ngày	▼ / ▲	
CAPE SIZE	18,412	▼	666
PANAMAX	12,263	▼	419
SUPRAMAX	11,743	▼	765
SMALL HANDY	9,617	▼	146

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



Chỉ số tàu thị trường hàng khô



### 3.2 Thị trường thuê tàu dầu:

#### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Trong tuần vừa qua, với nguồn cung hàng hóa ổn định trên thị trường cùng với tình trạng thời tiết xấu do ảnh hưởng của bão đã góp phần tác động tích cực lên cước tàu VLCC. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Meg/East và W.Africa/East đang dao động quanh mức WS 100, tương đương với mức trung bình \$50k/ngày. Các chủ tàu tiếp tục nắm giữ cương vị điều khiển thị trường do nguồn cung tàu đang có xu hướng được thắt chặt trong ngắn hạn.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
MEG/West	VLCC	40,0	32,0	16,0	40,0
MEG/Japan	VLCC	100,0	82,0	35,0	100,0
MEG/Singapore	VLCC	100,0	81,0	35,5	100,0
WAFR/EAST	260.000	97,0	77,0	37,5	97,0

WS

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	VLCC	30.000	28.000	30.000	21.000

US\$

#### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Tại thị trường North sea và Baltic, cước đã có sự điều chỉnh theo chiều hướng giảm nhẹ vào thời điểm đầu tuần, do nhu cầu trên thị trường giảm xuống và các chủ tàu sẵn sàng chấp nhận mức cước thấp hơn để tối thiểu hóa thời gian chờ đợi. Tại hai khu vực Med và Black sea, với dự báo trong tuần trước cho rằng cước thị trường sẽ giảm xuống do nguồn cung tàu sẵn có đang tăng lên. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời tiết xấu nên nhiều khu vực cảng bị trì hoãn cho nên cước tại khu vực đã tăng mạnh lên mức WS 180. Theo dự báo, cước sẽ tiếp tục duy trì ở mức ổn định trong một vài ngày tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
N.Afr/Euromed	80.000	180,0	150,0	75,0	182,5
UK/Cont	80.000	145,0	160,0	90,0	160,0
Caribs/USG	70.000	255,0	260,0	80,0	260,0

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	Aframax	15.000	15.250	15.250	13.500

#### ❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Thị trường tàu MR ở khu vực phía đông trong tuần vừa qua đang có xu hướng ổn định hơn. Theo báo cáo, cước trên từ khu vực WC.India đi Japan tăng 25 điểm lên mức WS 145. Tại khu vực Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan đang giao động quanh mức \$245'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo báo cáo, cước trên tuyến UKC/USAC đang ở mức WS 110. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước đã tăng lên mức WS 140.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2018	High 2018
WCI/Japan	30.000	145,0	120,0	110,0	150,0
UKC-Med/States	37.000	110,0	130,0	100,0	165,0
USG/UKC-Med	38.000	140,0	110,0	67,0	140,0

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2018	Low 2018
1 year	MR	13,000	13,000	14,000	13,000

### 3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

#### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	455		455	
2	India	425		435	▼ 5
3	Pakistan	430		440	▲ 5
4	Turkey	260		270	
5	China	160		170	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)  
(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kể trước)

#### MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 44/2018

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Stellar Fair	Bulker	1990	39,000	Bangladesh	467.00	266,629	
Kyriakos	Bulker	1997	7,244	Bangladesh	424.00	29,926	
Oaktree	Tanker	1993	9,002	Bangladesh	458.00	46,842	
Atlantic Star	Container	1997	7,626	Bangladesh	450.00	26,260	
Pathein Star	Container	1993	6,660	Bangladesh	450.00	20,540	
Thanlwin Star	Container	1995	6,830	Bangladesh	450.00	20,406	
Andaman Star	Container	1993	6,989	Bangladesh	450.00	20,211	
Sentosa Star	Container	1996	5,948	Bangladesh	450.00	17,781	
Cielo Di Agadir	Container	1996	7,582	India	392.00	22,984	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS  
MUA – BÁN TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.